

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày 11/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quang Ngọc.

Ông A Bruk.

Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thắng và ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. A N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1950 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P và bà Y L (đều đã chết); có vợ là Y C, sinh năm 1956 và 05 con (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1993);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “Chống người thi hành công vụ” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Y L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông A K (đã chết) và bà Y L, sinh năm 1958; có chồng là A M, sinh năm 1987 và 02 con (lớn sinh năm 2007; nhỏ sinh năm 2010);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. A K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1950 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B và bà Y C (đều đã chết); có vợ là Y H (đã chết) và 06 con (lớn nhất sinh năm 1977; nhỏ nhất sinh năm 1994);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ*” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. A H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1986 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã IaC, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A H, sinh năm 1964 và bà Y H, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tốt;

Bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. A K1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A K (đã chết) và bà Y L, sinh năm 1958; có vợ là Y H, sinh năm 1986 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ*” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Y C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1956 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A M và bà Y Đ (đều đã chết); có

chồng là A N, sinh năm 1950 và 05 con (lớn nhất sinh năm 1979; nhỏ nhất sinh năm 1993);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ*” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7.Y H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1960 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A M và bà Y Đ (đều đã chết); có chồng là A N (đã chết) và 07 con (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1994);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ*” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Y T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1984 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A H (đã chết) và bà Y N, sinh năm 1953; có chồng là Trần Bá V, sinh năm 1975 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008; nhỏ nhất sinh ngày 26/02/2019);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T bị khởi tố, điều tra. Ngày 29/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum ra Quyết định đình chỉ; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 29/12/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. A G (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Jarai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A G, sinh năm 1965 và bà Y H, sinh năm 1966; có vợ là Y T, sinh năm 1987 và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. A C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1998 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông;

trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Ja-rai (Gia-rai); giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Y, sinh năm 1980 và bà Y B, sinh năm 1981; bị cáo có vợ là Y S và 01 con sinh năm 2018, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Y J (tên gọi khác: Không), sinh năm 1965 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Ja-rai (Gia-rai); giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Ê và bà Y H (đều đã chết); có chồng là A C (đã chết) và 05 con (lớn nhất 35 tuổi; nhỏ nhất 27 tuổi);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2017 có hành vi “Chống người thi hành công vụ” tại xã Ia C, thành phố Kon T đã bị khởi tố, điều tra; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ*” xảy ra vào ngày 24/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Khắc Hoàng P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 21 Phạm Hồng T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Ka Rô C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Nghĩa A, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 364 Duy T, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 553/26 Hùng V, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 451 Trần Khánh D, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV C Kon Tum.

Địa chỉ: Số 639 Phan Đình P, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu L; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV C Kon Tum. (Văn bản ủy quyền đề ngày 29/4/2020).
Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Cao Xuân L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 140 Mai Hắc Đ, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Hoàng Nhật T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 102 Bà T, phường Thắng L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Vũ Hoàng D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 63/5 Nguyễn Viết X, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Kring T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn Tà P, xã Đăk N, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Un X, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Tà P, xã Đăk N, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông A P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Phi P, xã Đăk S, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông A Quốc T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Tân C, huyện Đăk T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Bá L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Tân L A, xã Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông A H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Plei S, xã IaC, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Đặng Thanh N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hòa B, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đăk H, xã Đăk B, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Cảnh P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 5, phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông Đỗ Bắc B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Nghĩa An, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đoàn K, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Ngọc W, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16 Bà Y N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Ông Cao Thanh P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 33 Tạ Quang B, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Bà Y L1, sinh năm 1980. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Ông A S, sinh năm 1964. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Bà Y T, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Ông A B, sinh năm 1998. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Ông A T, sinh năm 1998. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Ông A Th, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

24. Bà Y S, sinh năm 1974. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị U', sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 118 Âu C, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 98 Nguyễn Sinh S, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Nghĩa A, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông A S1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 219/10 Trần Hưng Đ, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Y L2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 16 Lê L, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông A H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Tơ R, xã Đăk N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Danh B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn An N, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Y T, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Ông A N, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông A T1, sinh năm 1982. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Ông A Ng, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Anh A Th, sinh năm 1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

16. Ông A K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Lâm T, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Ông Siu X, sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Ông A K, sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Klâu N, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

19. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 517 Phạm Văn Đ, phường Trần Hưng Đ, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Ông Trần Lý H, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Ông Hồ Trung S, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 33 Tạ Quang B, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

22. Ông Trần Đức A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 51 Ngô M, phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 144 Sư Vạn H, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

24. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 04 Nguyễn D, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

25. Ông Hoàng Lê Đăng Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 160 Duy T, phường Trường C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người phiên dịch:** Bà Y Cô V.

Địa chỉ: Thôn Kép K, xã Hòa B, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/3/2018 và ngày 11/5/2019, trên địa bàn xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum đã xảy ra các vụ việc “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*”. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào ngày 14/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã thi hành Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với A W, A T và Y T đều trú tại Thôn Plei S, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum trong vụ án “*Chống người thi hành công vụ; Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản*” xảy ra ngày 24/7/2017 tại xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Sau khi biết được sự việc trên, vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 14/3/2018, bị cáo Y T đã đánh keng tụ tập dân làng đến nhà Rông, hô hào người dân hai thôn Plei S và thôn Lâm T, xã Ia C, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum tụ tập, mang theo hung khí kéo lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ia C để đòi người bị bắt. Đoàn người gồm có các bị cáo: Y T, A N, A K, Y L, A C, A G, Y H, A K1 cùng với Y L, A S và nhiều người khác (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi đến trước cổng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ia C thì gặp ông Ka Rô C (là Bí thư T đoàn Kon T) đang đứng trước cổng Ủy ban nhân dân xã Ia C để liên hệ giải quyết công việc cá nhân. Thấy vậy, đoàn người đã bắt ông C và tiếp tục kéo đến Nông T C Ia C. Tại đây, bị cáo Y T nói phải bắt cho được ông Nguyễn Khắc Hoàng P vì ông P là người có chức vụ nên mới có thể đòi người bị bắt được. Khi phát hiện ông Phạm Văn T (là lái xe Nông T C Ia C) nên đoàn người đã yêu cầu ông T gọi điện thoại cho ông Nguyễn Khắc Hoàng P (là Giám đốc Nông trường C Ia Chim) về với ý định bắt giữ. Ông T không đồng ý nên một số người đã lôi kéo ông T ra sân Nông trường để đưa về nhà Rông. Ông T giằng co lại. Thấy vậy, bị cáo A C dùng 01 đoạn cây phượng dài khoảng 70cm (bị cáo A C nhặt ở bên đường, đoạn gần trường Tiểu học Phan Bội C); bị cáo A G dùng 01 đoạn bờ lờ dài khoảng 60cm

(bị cáo A G nhặt ở đoạn đường gần cổng Ủy ban nhân dân xã Ia C) đánh nhiều lần vào lưng ông T với mục đích làm cho ông T sợ để những người đang lôi kéo bắt ông T dễ dàng hơn. Số còn lại nghe theo lời bị cáo Y T đập phá cửa phòng làm việc để tìm, phát hiện và bắt giữ ông P tại khu vực phòng Giám đốc của Nông trường C Ia C. Đám đông còn phát hiện ông Nguyễn Vũ H (là cán bộ Công an tỉnh Kon T vào sửa đường dây liên lạc của Nông trường), bà Nguyễn Thị H (là Văn thư Nông trường) đang nấp trong nhà vệ sinh. Đám đông đã bắt và đưa tất cả 05 người gồm: Ông Ka Rô C, ông Nguyễn Khắc Hoàng P, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị H về nhà Rông thôn Plei S.

Tại nhà Rông thôn Plei S, bị cáo A N đã dùng 01 sợi dây thừng dài khoảng 03m (nhặt được gần nhà Rông thôn Plei S) trói ông P và ông C vào cột điện trước nhà Rông. Trong thời gian bắt trói ông P, ông C thì bị cáo A N đã dùng tay đánh ông P và ông C. Đối với bà Nguyễn Thị H, bị cáo Y L nói với mọi người rằng, bà H đang mang thai để có lý do cho bà H về. Đến khoảng 14 giờ 00 phút, cùng ngày, bà H được thả về.

Sau đó, các bị cáo: A N, A G, A K2, Y T, Y L, A K, Y H, Y C cùng với Y L, Y T và nhiều người khác (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) thay phiên nhau canh gác tại nhà Rông. A S còn cầm gạch đá, tuần tra các tuyến đường quanh nhà Rông để canh giữ những người bị bắt, không cho họ bỏ trốn. Đến khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 16/3/2018, thấy A W, A T và Y T được cơ quan Công an cho về nên các đối tượng đã thả hết 04 người còn lại là ông Ka Rô C, ông Nguyễn Khắc Hoàng P, ông Nguyễn Vũ H và ông Phạm Văn T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 36/TgT- TTPY ngày 20/3/2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum thể hiện: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của ông Nguyễn Khắc Hoàng P là 2% (Vết thương nông cẳng tay trái + nhiều vết xây xát da). Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 37/TgT-TTPY ngày 24/4/2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum thể hiện: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của ông Phạm Văn T là 36% (Nhiều vết xây xát da vai bên trái + Xây xát da ngực bên trái + Xây xát da vùng bụng + Bầm tím 1/3 trên cánh tay bên trái + Bầm tím bên cánh chậu bên trái + Bầm tím lưng bên trái: 00%; ổ tổn thương nhu mô não trán trái, kích thước (45 x 26 x15) mm: 36%).

Vụ thứ hai :

Vào đêm ngày 10/5/2019, nghe được thông tin Công ty C tái canh cây cao su, bị cáo Y L đã đánh kẻng tập hợp, cùng các bị cáo A N, A K họp dân làng thông báo về kế hoạch tái canh của Công ty C và kêu gọi, thống nhất người dân trong làng cản trở hoạt động tái canh trồng mới cây cao su trên các lô đất.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 11/5/2019, khi lực lượng Công an thành phố Kon T, Công an xã Ia C phối hợp cùng cán bộ thuộc Công ty TNHH MTV

C Kon T (bao gồm cán bộ của Tổng công ty, công nhân và bảo vệ của các Nông trường trực thuộc được điều động) và máy móc, phương tiện ra khu vực các lô 1, 2, 5, 6, 7, 9, 10, 15, 16 của Nông trường C Ia C để thực hiện theo Kế hoạch số 296/KH-CATP-AN ngày 10/5/2019 của Công an thành phố Kon T “*Kế hoạch triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ việc tái canh cây cao su tại khu vực 209,8 ha xã Ia C, thành phố Kon T*” và Phương án số 456/PA-CSKT ngày 09/5/2019 của Công ty TNHH MTV C Kon T để tái canh trồng mới cao su. Trong đó, lực lượng Công an thành phố Kon T, Công an xã Ia C phối hợp cùng bảo vệ của Công ty C Kon T bảo đảm cho việc tái canh trồng mới cao su được thuận lợi, an toàn.

Khi nghe tin Công ty C đưa máy cày, máy mức, máy đào, công nhân ra các lô để thi công thì bị cáo Y L đã đánh keng báo cho mọi người tập hợp ra các lô cao su. Sau đó, bị cáo Y L cùng các bị cáo A N, A K, A H, A K1, Y H, Y C với A B, A T, A Th, Y T, Y S và nhiều người khác (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi ra các lô cao su số 1,5, 8,9, 15,16. Bị cáo Y L đã hô hào, kích động người dân ra lô để ngăn cản lực lượng Công an và bảo vệ Nông trường trong việc tái canh. Khi đến lô cao su, bị cáo Y L cầm 01 đoạn cây (không rõ đặc điểm) ngăn cản máy cày, không cho vào các lô cày đất; bị cáo A N cầm theo 01 lá cờ Tổ quốc gắn trên cán bằng gỗ; bị cáo Y C cầm ảnh Bác Hồ đứng trước xe máy cày; các bị cáo A K, Y H cùng với Y T ngăn cản máy cày và công nhân vào lô để làm việc; A B dùng ná cao su bắn vào lực lượng công nhân Nông trường nhưng không trúng ai; A T cầm gậy đuổi đánh công nhân Nông trường; A Th dùng gậy tre đánh bảo vệ Nông trường nhưng không trúng ai; bị cáo A H dùng cuốc đập vào xe máy cày, đuổi theo và bổ vào người ông Hoàng Xuân H nhiều lần, trúng vào khu vực thắt lưng, khuỷu tay, đùi, chân, cẳng chân làm ông H bị thương; bị cáo Y J cời vấy của mình đang mặc để xua đuổi lực lượng bảo vệ; Y S ngăn cản máy cày không cho vào lô và nhổ cọc tiêu; bị cáo A K1 cầm rựa đe dọa, ngăn cản không cho công nhân vào lô và dùng ná cao su bắn vào công nhân nông trường, một số người dân đập phá máy móc, thiết bị, phương tiện của Công ty C Kon T và của người dân bị hư hỏng. Do đó, làm cho lực lượng Công an và lực lượng bảo vệ cho việc tái canh không thể thực hiện được nhiệm vụ.

Hậu quả, khiến ông Hoàng Xuân H, ông Cao Xuân L, ông Hoàng Nhật T, ông Vũ Hoàng D bị thương tích, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon T. Đối với ông Kring T, ông A P, ông Un X, ông A Quốc T, ông Trần Bá L, ông A H, ông Trần Thanh H, ông Đặng Thanh N, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Cảnh P, ông Đỗ Bắc B, ông Nguyễn Đức T bị thương tích nhẹ, không yêu cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 71/TgT-TTPY ngày 13/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời tại thời điểm giám định của ông Hoàng Xuân H là 13% (Bầm tím ở lưng bên trái + Sưng nề cổ tay bên phải, đứt gân gấp ngón I bàn chân bên phải đã khâu nối: Thông tư không quy định tỷ lệ phần trăm thương tích; Nhiều vết thương phần mềm kích thước lớn: 13%).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 72/TgT-TTPY ngày 13/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời tại thời điểm giám định của ông Cao Xuân L là 23%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TgT- TTPY ngày 15/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của ông Hoàng Nhật T là 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 70/TgT-TTPY ngày 14/5/2019 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Kon Tum: Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của ông Vũ Hoàng D là 02%.

Tại Kết luận định giá số 37/ĐG- TS ngày 12/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố Kon T kết luận: Các tài sản bị hư hỏng gồm có: 01 cụm đèn chiếu sáng phía trước của xe mô tô biển kiểm soát 82K8- 4943, 01 cụm đèn chiếu sáng phía trước; mặt nạ xe; cụm đèn phía sau xe của xe mô tô biển kiểm soát 82K8- 2171; 01 tấm kính sau cabin kích thước (1m x 0,8m) của xe máy đào hiệu Hyundai 555W7; 40.000 cọc tiêu; 09 cuộn dây tiêu bằng chất liệu cáp lùa; 01 loa cầm tay, ghi âm hiệu HW8; 05 cái cuốc; 10 cái gùi; 07 cái dao; 02 bao vôi; 01 can nhựa và 01 thùng đựng nước; 03 cái mũ bảo hiểm; 01 màn hình điện thoại Iphone 6 Plus; 50 suất cơm; 3.680 cây cao su giống (loại PB312 tầng lá 02 năm tuổi); 01 gương chiếu hậu của máy cày hiệu Kobuta có giá trị tổng cộng là 81.493.000 đồng (*Tám mươi một triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Cáo trạng số 48/CT-VKSTPKT ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo: Y T, A N, A K, Y L, Y H, A K1, A G về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, bị cáo A C về tội “*Bắt người trái pháp luật*”, bị cáo Y C về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo: Y L, A N, A K, A K1, Y C, Y H, Y J, A H về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo A H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Y T, A N, A K, Y L, Y H, A K1, A G về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; bị cáo A C về tội “*Bắt người trái pháp luật*”;

bị cáo Y C về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự; các bị cáo: Y L, A N, A K, A K1, Y C, Y H, Y J, A H về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự; bị cáo A H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A N từ 36 đến 40 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và mức án từ 13 đến 18 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo A N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 49 đến 58 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Y L từ 36 đến 40 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Từ 15 đến 20 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Y L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 51 đến 60 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A K từ 27 đến 30 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Từ 13 đến 18 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo A K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 40 đến 48 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 330, điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A H từ 13 đến 18 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”; Từ 24 đến 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo A H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 37 đến 48 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo A K1 từ 25 đến 28 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Từ 12 đến 16 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo A K1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 37 đến 44 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Y C từ 24 đến 26 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”; Từ 12 đến 16 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật

Hình sự, buộc bị cáo Y C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Khoản 1 Điều 330, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Y H từ 24 đến 26 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Từ 10 đến 12 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Y H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 34 đến 38 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Y T từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách không quá 60 tháng về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A G từ 20 đến 24 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo A C từ 25 đến 28 tháng tù về tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Y J từ 10 đến 12 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi truy tố của các bị cáo:

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Đối với vụ “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”: Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 14/3/2018, sau khi nghe tin A W, A T, Y T bị Công an bắt tạm giam, bị cáo Y T đã đánh keng tụ tập dân làng đến nhà Rông thôn Plei S và hô hào, kêu gọi mọi người kéo đến Ủy ban nhân dân xã Ia C và Nông trường C Ia C tìm bắt người để đòi người bị bắt. Các bị cáo gồm: Y T, A N, A K, Y L, A C, A G, Y H, A K1 cùng với Y L, A S và đám đông người dân thôn Plei S (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đã có hành vi khống chế, dùng vũ lực như bị cáo A C và A G đã dùng gậy đánh vào lưng ông T; các bị cáo A N và Y L dùng tay chân đánh ông P, ông T để bắt 05 người và đưa về nhà Rông thôn Plei S, gồm: Ông Nguyễn Khắc Hoàng P, ông Ka Rô C, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị H. Tại nhà Rông, bị cáo A N dùng 01 sợi dây thừng dài khoảng 03 mét trói ông P và ông C vào cột điện trước nhà Rông; các bị cáo A N, Y L, Y T cùng Y L thay nhau đánh bằng tay chân vào người ông P và ông C. Đến khoảng 14 giờ, cùng ngày, bà H được thả về; các bị cáo: A N, A G, A K1, Y T, Y L, Y H, Y C, A K cùng với Y L, Y T thay nhau canh gác tại nhà Rông. A S cầm gạch đá, tuần tra quanh nhà Rông để canh giữ những người bị bắt, không cho họ bỏ trốn. Đến khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 16/3/2018, thấy A W, A T và Y T được Công an cho về nên các bị cáo đã thả toàn bộ những người bị bắt giữ.

Hậu quả xảy ra: Ông Nguyễn Khắc Hoàng P bị tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%; Ông Phạm Văn T bị tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo: Y T, A N, A K, Y L, Y H, A K1 và A G về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Truy tố bị cáo A C về tội “*Bắt người trái pháp luật*”; Truy tố bị cáo Y C về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Đối với vụ “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*”: Thực hiện Kế hoạch số 296/KH-CATP-AN ngày 10/5/2019 của Công an thành phố Kon Tum “*Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ việc tái canh cây cao su tại khu vực 209,8 ha xã Ia C, thành phố Kon T*” và Phương án số 456/PA-CSKT ngày 09/5/2019 của Công ty TNHH MTV C Kon T để tái canh trồng mới cao su. Công an thành phố Kon T đã phân công cán bộ vào xã Ia C cùng với Công an xã Ia C phối hợp với bảo vệ của Công ty C Kon T đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ cho việc tái canh cây cao su được thuận lợi, an toàn.

Khi nghe tin việc tái canh của Công ty C Kon T, đêm ngày 10/5/2019, bị cáo Y L đã đánh keng tập hợp, cùng các bị cáo A N, A K họp dân làng Plei S để thông báo về kế hoạch tái canh của Công ty C và kêu gọi dân làng cản trở hoạt động tái canh. Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 11/5/2019, khi lực lượng Công an thành phố Kon T, Công an xã Ia C phối hợp cùng cán bộ, công nhân Công ty

TNHH MTV C Kon T đưa máy móc, phương tiện ra các lô cao su của Nông trường C Ia C để thực hiện việc tái canh cây cao su thì bị cáo Y L đánh kẻo báo mọi người tập hợp ra các lô cao su. Các bị cáo: Y L, A N, A K, A H, A K1, Y H, Y C cùng với A B, A T, A Th, Y T, Y S và nhiều người khác (Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi ra các lô cao su số 1,5, 8, 9, 15, 16. Các bị cáo biết rõ lực lượng thi hành công vụ ăn mặc trang phục theo quy định, được thông báo giải thích kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn cố tình dùng các công cụ như gậy, cuốc, ná cao su và một số vật dụng khác xông vào ngăn cản và đập phá máy móc, thiết bị, phương tiện và đuổi đánh những người đang thực thi công vụ, làm cho lực lượng Công an và lực lượng bảo vệ việc tái canh không thể thực hiện được nhiệm vụ. Bị cáo A H dùng cuốc đập vào xe máy cày, đuổi theo và bỏ vào người ông Hoàng Xuân H nhiều lần, trúng vào khu vực thắt lưng, khuỷu tay, đùi, chân, cẳng chân bị thương tích tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo Y L, A N, A K, A K1, Y C, Y H, Y J và A H về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo A H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

[3.1]. Xét thấy hành vi “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” xảy ra vào ngày 14/3/2018 của các bị cáo: Y T, A N, A K, Y L, Y H, A K1, A G, A C và Y C thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ. Thể hiện sự manh động, liều lĩnh, bất chấp pháp luật; gây dư luận xấu trong xã hội; ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Kon Tum. Do đó cần xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo nêu trên để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Hành vi “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc trước nhưng cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm mà mình đã gây ra.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo:

+ Bị cáo A N, Y L tham gia với vai trò là người thực hành rất tích cực: Trong quá trình bắt và giữ người, bị cáo A N đã dùng 01 sợi dây thừng trói ông P, ông C vào cột điện trước nhà Rông, dùng tay đánh ông P, ông C và nói các bị cáo khác canh giữ người, không cho họ bỏ trốn. Bị cáo Y L có hành vi chửi bới, xông vào xé áo, lôi ông P đi và dùng tay, chân đánh ông P trong thời gian bắt, giữ. Tuy vậy, bị cáo Y L đã đồng ý thả bà Nguyễn Thị H vì cho rằng bà H đang

có thai.

+ Bị cáo Y T là người khởi xướng, hô hào trong việc thực hiện hành vi bắt người. Trong thời gian giữ người bị cáo dùng tay tát vào mặt ông P và tham gia canh giữ người bị bắt, không cho họ bỏ trốn.

+ Các bị cáo A G, A C, A K, A K1, Y H và Y C đóng vai trò là người thực hành trong vụ án: Trong quá trình bắt người bị cáo A G và A C trực tiếp dùng gậy đánh vào lưng ông Phạm Văn T; Bị cáo A K chửi bới, dùng tay đánh ông P; Bị cáo A K1 mang theo hung khí là cây gậy tre để hỗ trợ cho việc bắt người; Bị cáo Y H tham gia hỗ trợ cho việc bắt người. Các bị cáo A G, A K, A K1, Y H và Y C đều tích cực tham gia canh giữ người bị bắt tại nhà Rông, không cho họ bỏ trốn. Đối với bị cáo A C sau khi dùng vũ lực khống chế ông P về nhà Rông thì bị cáo không tham gia canh giữ người bị bắt.

[3.2]. Xét thấy hành vi “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*” của các bị cáo Y L, A N, A K1, Y C, Y H, A K, Y J, A H thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của những người đang thi hành công vụ; thông qua đó, xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ của lực lượng Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự trong việc tái canh cây cao su của Công ty TNHH MTV C Kon T. Thể hiện sự coi thường pháp luật; gây dư luận xấu trong xã hội; ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố Kon Tum. Do đó cần xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo nêu trên để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo A H đã dùng cước là “*hung khí nguy hiểm*” đánh ông Hoàng Xuân H gây thương tích 13%. Hành vi của bị cáo A H là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Do đó, bị cáo A H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra.

Hành vi “*Chống người thi hành công vụ*” của các bị cáo là đồng phạm gián đơn, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc, nhưng cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mình đã gây ra.

Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo:

+ Bị cáo Y L là người khởi xướng và là người thực hành rất tích cực trong vụ án: Bị cáo đã đánh kẻng tập hợp dân làng vào đêm ngày 10/5/2019 để thông báo, kêu gọi dân làng cản trở hoạt động tái canh của Công ty C và sáng ngày 11/5/2019 bị cáo trực tiếp cầm 01 đoạn cây đứng ra hô hào, kích động các bị cáo khác và người dân ra lô cao su để ngăn cản lực lượng Công an và bảo vệ Nông trường, không cho máy cày vào các lô cao su làm việc.

+ Các bị cáo: A N, A K, A H là người thực hành tích cực trong vụ án. Bị cáo A N, A K cùng với Y L đã tổ chức cuộc họp dân làng vào đêm ngày 10/5/2019 để thống nhất dân làng cản trở hoạt động tái canh của Công ty C. Ngày 11/5/2019, bị cáo A N cầm theo 01 lá cờ Tổ quốc cùng với bị cáo A K mang theo gậy đứng trước xe máy cày, chửi bới; bị cáo A H dùng cuốc đập xe máy cày và hô hào ngăn chặn không cho xe máy cày, máy mức cày đất, đồng thời đuổi đánh Công an và bảo vệ nông trường. Ngoài ra bị cáo A H còn dùng hung khí nguy hiểm là cây cuốc đuổi theo và bổ vào người ông Hoàng Xuân H nhiều lần gây thương tích 13%.

+ Các bị cáo Y C, A K1, Y H và Y J là người thực hành trong vụ án: Bị cáo Y C cầm ảnh Bác Hồ; bị cáo A K1 mang theo con dao rựa cùng bị cáo Y H đứng trước máy cày hô hào, chửi bới, la hét ngăn chặn không cho lực lượng Công an, bảo vệ thi hành công vụ, Bị cáo Y J còn cởi váy của mình đang mặc để xua đuổi lực lượng thi hành công vụ với mục đích khiến họ xấu hổ, di chuyển sang chỗ khác và không thực hiện được nhiệm vụ.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo A N, Y L, A K, A H, A K1, Y C, Y H, Y T, A G, A C và Y J đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo A N, Y L, A K, A H, A K1, Y C, Y H, Y T, A G, A C và Y J đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị hại ông Phạm Văn T, ông Ka Rô C, ông Nguyễn Khắc Hoàng P xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo về hành vi “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo Y T, A N, A K, Y L, Y H, A K, A G, A C và Y C khi lượng hình.

Đối với bị cáo Y T và A G sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, nên đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Ngoài ra bị cáo Y T và A G còn có thành tích trong công tác đảm bảo an ninh trật tự tại thôn Plei S, xã Ia C nên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ia C, thành phố Kon T tặng Giấy khen. Hiện tại bị cáo Y T đang điều trị bệnh “*Hội chứng thận hư*”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét về nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo Y L, A H, A C, A G, Y T đều chưa có tiền án, tiền sự. Đối với các bị cáo A N, A K, A K1, Y C, Y H và Y J đã có hành vi “*Chống người thi hành công vụ*” tại xã Ia C, thành phố Kon T vào ngày 24/7/2017 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử tuyên phạt tù giam vào ngày 27/4/2020.

[6]. Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là thực sự nguy hiểm cho xã hội. Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cần thiết phải có một bản án với mức án nghiêm khắc, tương xứng với vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo A N, Y L, A K, A H, A K1, Y C, Y H, A C và Y J ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, biết tôn trọng pháp luật; đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo A G có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình, nên Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề và cũng cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Y T, sau khi phạm tội đã thật sự ăn năn hối cải, có thành tích trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án và công tác đảm bảo an ninh trật tự tại thôn Plei S, xã Ia C; bản thân có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo lại đang bị bệnh “*Hội chứng thận hư*” và hiện đang nuôi con nhỏ. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Y T ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo chữa bệnh, chăm sóc con nhỏ và để bị cáo tự giác cải tạo, lao động trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

[7.1]. Đối với hành vi “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”:

Các ông Nguyễn Khắc Hoàng P, Phạm Văn T, Ka Rô C, Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tài sản bị phá là cửa nhà vệ sinh, cửa làm việc hư hỏng, có giá trị nhỏ nguyên đơn dân sự Công ty TNHH MTV C Kon T không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2]. Đối với hành vi “*Chống người thi hành công vụ*” và “*Cố ý gây thương tích*”:

Các ông Hoàng Xuân H, Cao Xuân L, Hoàng Nhật T và Vũ Hoàng D bị thương tích nhưng không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Các ông: Kring T,

A P, Un X, A Quốc T, Trần Bá L, A H, Trần Thanh H, Đặng Thanh N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Cảnh P, Đỗ Bắc B, Võ Tấn Đ, Nguyễn Đức T bị thương tích nhẹ, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các ông Đỗ Bắc B, Võ Tấn Đ và Nguyễn Văn H bị thiệt hại về tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự Công ty TNHH MTV C Kon T là Nguyễn Hữu L không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

[8.1]. Đối với hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”:

+ 01 cây gậy tre, dài 1,2 mét, đường kính 3cm; 01 cây gậy bằng gỗ bời lồi, dài 60cm; 01 cành phượng, dài 70cm và 01 sợi dây thừng dài 3mét các bị cáo đã dùng để bắt, giữ người và đã vứt bỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xử lý.

Đối với 01 cây gỗ dài 1,2 mét, đường kính trung bình 3cm tại cửa nhà vệ sinh, trong phòng Giám đốc, đã thu giữ. Do chưa xác định được cây gỗ này là của ai nên Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum giữ lại, tiếp tục điều tra, xác minh, có cơ sở sẽ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.2]. Đối với hành vi “Chống người thi hành công vụ” và “Cố ý gây thương tích”:

- Về vật chứng thu giữ được:

+ 01 USB, hiệu Transcend 8GB, màu trắng, trong đó có 04 clip được quay tại hiện trường vụ án là nguồn chứng cứ bằng dữ liệu điện tử, phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử, nên cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

+ 01 xe mô tô, biển kiểm soát 82K8- 4943 và 01 xe mô tô, biển kiểm soát 82K8- 2171 là tài sản thuộc sở hữu của ông Đỗ Bắc B và ông Võ Tấn Đ đều hư hỏng một phần do bị đập phá. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông B và ông Đ. Ông B và ông Đ không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

+ 01 xe máy đào và 04 xe máy cày. Sau khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum xét thấy không cần thiết nên không thu giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ 01 cái cuốc, có lưỡi bằng kim loại, cán tròn bằng tre dài 1,2 mét là tài sản của bà Y N. Bị cáo A H mượn cuốc của bà Y N trong khi bà không biết việc bị cáo sử dụng cuốc để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy cái cuốc giá trị nhỏ, bà Y N không có yêu cầu nhận lại. Do đó, cần tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về vật chứng không thu giữ được:

01 cây rựa, lưỡi rựa dài khoảng 40cm, làm bằng kim loại màu đen, cán rựa làm bằng tre, dài khoảng 50cm tròn, to bằng nửa cổ tay ; 01 gậy tre dài khoảng 02 mét, hình tròn, to gần bằng cổ tay; 01 cây ná bằng gỗ, giầy ná được làm từ ruột xe đạp; 01 đoạn gậy tre nhỏ, đường kính bằng khoảng ngón tay cái; 01 chiếc ná cao su, được làm bằng nhánh cây, giầy ná được làm từ ruột xe ; 01 đoạn gậy bằng tre. Sau khi thực hiện xong hành vi, các bị cáo A K1, A K cùng với A T, A Th, A B, Y L đã đánh rơi các vật chứng nêu trên tại lô cao su.

+ 01 cờ Tổ quốc có kích thước chiều rộng 60 cm, dài 90cm, cán cờ bằng cây gỗ, dài 2 mét, cờ Tổ quốc có ngôi sao vàng năm cánh đặt nằm ở giữa nền đỏ hình chữ nhật của bị cáo A N ; 01 ảnh Bác Hồ có kích thước chiều dài 40cm, rộng 30cm, khung ảnh được làm bằng nhựa của bị cáo Y C đã mang theo để chống người thi hành công vụ. Sau khi thực hiện xong hành vi, các bị cáo A N và Y C đã mang cờ và ảnh về cất tại nhà riêng của mình.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được các vật chứng nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xử lý.

[9] .Về các vấn đề khác.

Các ông Nguyễn Khắc Hoàng P, Hoàng Nhật T và Vũ Hoàng D không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Ông Cao Xuân L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời tại thời điểm giám định là 23%. Tuy nhiên, do chưa xác định được người gây thương tích cho ông Lộc nên Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với thương tích của ông Phạm Văn T bị tổn thương cơ thể là 36%. Hành vi của các bị cáo A G và A C dùng gậy đánh vào lưng ông T nhưng không gây ra thương tích của ông T. Do vậy, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can (thay đổi từ tội “*Cố ý gây thương tích*” thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” đối với các bị cáo A G và A C), Quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự đối với hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, tiếp tục điều tra, xác minh, có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi “*Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản*” của Công ty TNHH MTV C Kon T thiệt hại tài sản có trị giá tổng cộng là 81.493.000 đồng. Tuy nhiên, do chưa xác định được người đập phá tài sản nên Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự và sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, có cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với Y L, A S đã bị khởi tố về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự; A B, A T, A Th và Y S đã bị khởi tố về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự; Y T đã bị khởi tố về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại

Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, do chuyển biến của tình hình chính trị tại địa phương, xét thấy Y L, A S, Y T, A B, A T, A Th và Y S không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; các đối tượng này đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bản thân; thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Y L, A S, Y T, A B, A T, A Th và Y S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Y L, A K1, A G, A C, Y J và A H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Y T thuộc hộ nghèo; các bị cáo A N, A K, Y H, Y C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A N (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo A N 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 13 (*Mười ba*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 49 (*Bốn mươi chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y L (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo Y L 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 15 (*Mười lăm*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Y L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 51 (*Năm mươi một*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 06/7/2019.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A K (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo A K 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 13 (*Mười ba*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công*”.

vụ”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 40 (*Bốn mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A H (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Chống người thi hành công vụ*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo A H 13 (*Mười ba*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” và 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 37 (*Ba mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 06/7/2019.

5. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A K1 (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo A K1 26 (*Hai mươi sáu*) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo A K1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 38 (*Ba mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y C (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo Y C 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” và 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Y C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

7. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y H (tên gọi khác: Không) phạm các tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo Y H 25 (*Hai mươi lăm*) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 10 (*Mười*) tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Y H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 35 (*Ba mươi lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

8. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y T (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Xử phạt: Bị cáo Y T 30 (*Ba mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/5/2020).

Giao bị cáo Y T cho Ủy ban nhân dân xã Iac, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các Điều 68 và 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của Bản án này và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

9. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A G (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Xử phạt: Bị cáo A G 20 (*Hai mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 25/10/2019.

10. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A C (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Xử phạt: Bị cáo A C 25 (*Hai mươi lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 25/10/2019.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y J (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt: Bị cáo Y J 10 (*Mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

12. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 cái cuốc, có lưỡi bằng kim loại, cán tròn bằng tre dài 1,2 mét như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/3/2020 giữa Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

13. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Y L, A K1, A G, A C, Y J và A H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Y T thuộc hộ nghèo; các bị cáo A N, A K, Y H, Y C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo.

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/5/2020). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương